

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ Y tế công cộng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Y tế công cộng.

Căn cứ đề nghị của ông/bà trưởng phòng Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Y tế công cộng. Mã số : 872.07.01

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/bà trưởng phòng: Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng và khoa/bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH, VT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Văn Thúc



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10.12.../QĐ-YDHP ngày 21 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG	3
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
3.1. Mục tiêu tổng quát	3
3.2. Mục tiêu cụ thể	3
IV. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH	4
4.1. Đối tượng đào tạo	4
4.2. Hình thức đào tạo	4
4.3. Thông tin tuyển sinh và trúng tuyển	4
VI. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH – TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO	5
6.1. Khung chương trình	5
6.2. Tiến trình đào tạo	7
VII. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	7
7.1 Điều kiện dự thi kết thúc môn học:	7
7.2. Điều kiện bảo vệ luận văn	8
7.3. Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng	8
7.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	8
7.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	8
VIII. MÔ TẢ MÔN HỌC	9

I. THÔNG TIN CHUNG

- Chương trình đào tạo: Thạc sỹ
- Chuyên ngành: Y tế công cộng
- Mã số: 8720701
- Bằng đào tạo: Sau đại học
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Năm học áp dụng: 2016 – 2018 (K12), 2017- 2019 (K13)

II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

Kết quả của những nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo đã cho thấy rằng hầu hết các cán bộ hiện đang công tác tại các khu vực dự phòng cũng như trong lĩnh vực quản lý ở khu vực duyên hải đều có nhu cầu được trang bị những kiến thức cơ bản trọn gói về YTCC sau đại học, bởi vì những kiến thức đó sẽ giúp họ làm việc dễ hơn, tốt hơn trong cơ chế thị trường. Do vị trí công tác của mình, nếu được trang bị các kiến thức mới về YTCC, họ sẽ tác động tới toàn bộ hệ thống chăm sóc sức khoẻ trong toàn quốc theo một hướng suy nghĩ mới YTCC.

Trường đại học Y dược Hải Phòng nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh, trung tâm khu vực vùng duyên hải phía Bắc. Hải Phòng hội tụ đầy đủ các đặc trưng phát triển công nghiệp đóng tàu, công nghiệp phục vụ ngành thuỷ, hải sản, đặc điểm môi trường tự nhiên biển, môi trường lao động vùng duyên hải. Cơ sở viện trường tại Hải Phòng phát triển và hướng phát triển của bệnh viện Việt Tiệp trở thành bệnh viện của vùng duyên hải; Viện y học biển Việt Nam đóng trên địa bàn Hải Phòng; Viện nghiên cứu thuỷ sản, công nghiệp đóng tàu, lao động ngư nghiệp... Hải Phòng có đầy đủ cơ sở điều kiện thực hành y đặc trưng cho vùng duyên hải. Nước ta với chiều dài hơn 3000 km ven biển, với trên 20 tỉnh thành có biên giới giáp biển, khoảng 1/3 dân số sống, lao động bằng lao động biển. Nhu cầu chăm sóc sức khoẻ và phát triển kinh tế bền vững với sự bảo tồn môi trường ở vùng duyên hải trong cả nước là rất lớn.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Thạc sỹ Y tế công cộng có kiến thức, thái độ, kỹ năng trong việc xác định và đề xuất các biện pháp thích hợp giải quyết có hiệu quả các vấn đề sức khoẻ công cộng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

- 1) Thể hiện thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nguyên lý của chăm sóc sức khoẻ ban đầu.
- 2) Ứng dụng những kiến thức và kỹ năng về dịch tễ học, kinh tế y tế, thống kê y tế, sức khoẻ môi trường, tổ chức và quản lý y tế, khoa học xã hội để xác định các vấn đề y tế công cộng và đề xuất giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở nguồn lực cho phép.

- 3) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình y tế và các hoạt động chăm sóc sức khoẻ dựa trên các kiến thức về dịch tễ học, thống kê, sức khoẻ môi trường và xã hội học.
- 4) Đánh giá, giám sát các chương trình y tế và các hoạt động chăm sóc sức khoẻ.
- 5) Tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách, luật liên quan đến sức khoẻ với sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức khác.
- 6) Lập kế hoạch biên soạn được các tài liệu giáo dục sức khoẻ và tiến hành giáo dục sức khoẻ, nâng cao sức khoẻ cho cộng đồng.
- 7) Lập kế hoạch, triển khai đào tạo về kiến thức, kỹ năng y tế công cộng cho cán bộ trong lĩnh vực sức khoẻ công cộng.
- 8) Hợp tác liên ngành với các tổ chức chính phủ, phi chính phủ (trong và ngoài nước) để phát triển y tế công cộng.
- 9) Thiết kế, thực hiện và viết được báo cáo về các nghiên cứu sức khoẻ công cộng.
- 10) Tổ chức, điều hành, giám sát, đánh giá hoạt động của hệ thống chăm sóc sức khoẻ.
- 11) Quản lý, đánh giá dự án y tế và xây dựng dự án y tế

IV. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH

4.1. Đối tượng đào tạo

- Tốt nghiệp đại học (ngành Y và các ngành khác khi có nguyện vọng được đào tạo như: cử nhân khoa học môi trường, cử nhân sinh học, dược sĩ....)
- Có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực Y tế công cộng từ 2 năm trở lên.
- Những thí sinh không phải ngành Y có chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ y tế công cộng.

4.2. Hình thức đào tạo

Đào tạo tập trung: 24 tháng

4.3. Thông tin tuyển sinh và trúng tuyển

4.3.1. Thời gian tuyển sinh và thông tin tuyển sinh

- Thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức vào tháng 8 hàng năm theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế của Trường để xác định số lần tuyển sinh (tối đa 02 lần/ năm) và thời điểm tuyển sinh cho từng năm.
- Thông báo tuyển sinh ít nhất 3 tháng trước khi thi tuyển.
- Thông báo được niêm yết tại Trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của Nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4.3.2. Môn thi tuyển

- Môn thi tuyển sinh bao gồm: Ngoại ngữ, Môn cơ sở và Môn chuyên ngành
 - Ngoại ngữ: Trình độ B (Một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung)
 - Môn cơ sở: Dịch tễ học
 - Môn chuyên ngành: Sức khoẻ môi trường - Sức khoẻ nghề nghiệp
- Thời gian thi và phòng thi:

- Thời gian làm bài thi môn cơ sở và môn chuyên ngành theo hình thức tự luận là 180 phút, thời gian làm bài môn ngoại ngữ 120 phút.
- Thời gian thi tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức liên tục trong các ngày. Lịch thi cụ thể từng môn do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

4.3.3. Điều kiện dự thi

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Thuộc đối tượng đào tạo của chương trình đào tạo.
- Có đủ sức khỏe để học tập (có giấy chứng nhận đủ sức khỏe được cơ quan có thẩm quyền cung cấp).
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

4.3.4. Trúng tuyển

- Thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 ở các môn thi chuyên ngành, môn thi cơ sở. Môn ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định hiện hành của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.
- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được xác định cho từng chuyên ngành và tổng điểm thi các môn thi (trừ môn ngoại ngữ) của từng thí sinh, Phòng Đào tạo Sau đại học xác định số lượng thí sinh trúng tuyển và báo cáo Hội đồng tuyển sinh.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi như nhau (đã cộng cả điểm ưu tiên) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới
 - Người có điểm môn chuyên ngành cao hơn;
 - Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

* Công nhận trúng tuyển

Sau khi có kết quả thi tuyển, học viên trúng tuyển sẽ nhận được giấy báo nhập học từ Phòng Đào tạo Sau đại học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

VI. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH – TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Khung chương trình

STT	TÊN MÔN HỌC	Mã số	Thời lượng (ĐVHT)	SỐ TIẾT HỌC
A. MÔN HỌC CƠ BẢN				
1	Triết học Mác – Lê Nin	100.01	6	90
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	104.01	6	135
3	Phương pháp NCKH	102.01	4	90
4	Phương pháp dạy học	103.01	3	60
5	Toán tin ứng dụng	101.01	3	60
	TỔNG		22	435
B. MÔN CƠ SỞ				

6	Thông kê y học và dân số học	106	4	90
7	Dịch tễ học cơ sở	105.01.18	4	60
8	Kinh tế y tế	107.03.71	5	105
	TỔNG		13	155
	C. CÁC MÔN HỖ TRỢ			
9	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK	107.04.27	5	105
10	Quản lý y tế - Chính sách Y tế	107.01.36	5	105
	TỔNG		10	210
	D. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH			
11	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	107.09.36	4	75
12	Sức khỏe môi trường và SKNN	107.05.17	4	75
13	Sức khỏe lứa tuổi - Sức khỏe sinh sản	107.06.48	4	75
14	Dịch tễ học các bệnh phổ biến	107.07.34	4	75
	TỔNG		16	300
	E. CÁC MÔN TỰ CHỌN			
15	Vệ sinh bệnh viện và trường học	107.11.48	4	90
16	Tâm sinh lí lao động và Ergonomi	107.11.48	4	90
17	Dịch tễ học nâng cao	107.11.48	4	90
18	Y học biển	107.11.48	4	90
	TỔNG		4	90
19	LUẬN VĂN		20	
	TỔNG		85	

TỔNG SỐ CHUNG: 85 ĐVHT

6.2. Tiến trình đào tạo

Bảng phân bố tổng quát các môn học theo học kỳ trong toàn khoá

Mã số	TÊN MÔN HỌC	Thời lượng (ĐVHT)	Học kỳ			
			I	II	III	IV
	A. MÔN HỌC CƠ BẢN					
100.01	Triết học	6	x			
104.01	Ngoại ngữ chuyên ngành	6	x			
102.01	Phương pháp NCKH	4	x			
103.01	Phương pháp dạy học	3	x			
101.01	Toán tin ứng dụng	3		x		
	B. MÔN CƠ SỞ					
106	Thống kê y học và dân số học	4		x		
105.01.18	Dịch tễ học cơ sở	4		x		
107.03.71	Kinh tế y tế	5		x		
	C. CÁC MÔN HỖ TRỢ					
107.04.27	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK	5		x		
107.01.36	Quản lý y tế - Chính sách Y tế	5			x	
	D. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH					
107.09.36	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	4			x	
107.05.17	Sức khỏe môi trường và SKNN	4			x	
107.06.48	Sức khỏe lứa tuổi - Sức khỏe sinh sản	4			x	
107.07.34	Dịch tễ học các bệnh phổ biến	4			x	
	E. CÁC MÔN TỰ CHỌN (chọn 1 trong 4 môn)					
107.11.48	Vệ sinh bệnh viện và trường học	4				x
107.11.48	Tâm sinh lí lao động và Ergonomi	4				x
107.11.48	Dịch tễ học nâng cao	4				x
107.11.48	Y học biển	4				x
	LUẬN VĂN	20			x	x
	TỔNG	85	19	21	31	14

VII. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1 Điều kiện dự thi kết thúc môn học:

Học viên được tham dự kỳ thi kết thúc môn học khi đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học.
- Tham dự đầy đủ các buổi thực tập, thực hành.

- Học viên học, thi chứng chỉ không đúng theo lịch của khoá phải chủ động liên hệ với Phòng Đào tạo Sau đại học để học, thi vào thời gian thích hợp và phải tự túc kinh phí.
- Học viên có điểm môn học không đạt yêu cầu sẽ được dự thi lại lần 2, lịch thi lại lần 2 do Phòng Đào tạo Sau đại học và đơn vị đào tạo sắp xếp. Với kết quả thi lại mà điểm môn học vẫn không đạt yêu cầu, học viên phải học cùng với học viên cao học khóa tiếp sau và phải tự túc kinh phí học tập.
- Học viên có 3 môn trở lên phải thi lại hoặc có 1 môn thi lại lần 3 vẫn không đạt yêu cầu thì học viên sẽ bị buộc thôi học.

7.2. Điều kiện bảo vệ luận văn

Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ xếp lịch bảo vệ cho học viên căn cứ vào đề nghị của đơn vị đào tạo.

- Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện:
 - o Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo;
 - o Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - o Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn;
 - o Đóng học phí và lệ phí đầy đủ theo quy định.
 - o Có chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định.

7.3. Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng

- Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng thạc sĩ và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp (Đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định; Đủ điều kiện bảo vệ luận văn; Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu)
- Bảng điểm cấp cho học viên cần phải:
 - o có đầy đủ thông tin về học viên (họ tên, khóa học, ngày tháng năm sinh, nơi sinh)
 - o liệt kê đầy đủ tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm đánh giá học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung học tập toàn khóa, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách Hội đồng chấm luận văn.

7.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Các cơ sở trong lĩnh vực y tế: CDC, trung tâm y tế, bệnh viện...
- Các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực sức khỏe cộng đồng: Tổ chức phi chính phủ, dự án nghiên cứu...
- Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu liên quan.

7.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước;
- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong lĩnh vực y tế công cộng.

VIII. MÔ TẢ MÔN HỌC

TT	MÔN HỌC	Mã môn học	Số ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
Môn học chung			6	6
1	Triết học: Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên đề chuyên sâu về triết học nói chung và chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu y tế công cộng và phân tích các vấn đề xã hội.	100.01	6	0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành: Cung cấp các kiến thức và 4 kỹ năng thực hành (nghe, nói, đọc, viết) về tiếng Anh thông dụng (như các chủ đề về gia đình, công việc, sở thích...). Đọc hiểu tài liệu về các chủ đề y tế thông dụng và y tế công cộng.	104.01	3	3
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học: Cung cấp các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong y học, để từ đó giúp học viên ứng dụng trong tìm hiểu vấn đề sức khỏe cộng đồng; xây dựng và triển khai được nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế công cộng.	102.01	2	2
4	Phương pháp dạy học: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu trúc chương trình và tổ chức đào tạo đại học; các phương pháp giảng dạy và lượng giá trong công tác đào tạo.	103.01	2	1
5	Toán tin ứng dụng: Môn học cung cấp một số khái niệm và phương pháp thống kê cơ bản, để từ đó học viên áp dụng được một số phương pháp thống kê cơ bản trong phân tích và phiên giải dữ liệu nghiên cứu y học cũng như sử dụng được phần mềm thống kê để hỗ trợ việc xử lý dữ liệu nghiên cứu.	101.01	2	1
Môn cơ sở				
1	Thống kê y học và dân số học: cung cấp kiến thức về các bài toán thống kê cơ bản và một số bài toán thống kê nâng cao; giúp học viên vận dụng được các phương pháp cơ bản và một số phương pháp nâng cao của Toán thống kê trong việc chọn mẫu, xác định cỡ mẫu và trong phân tích dữ liệu nghiên cứu y học.	106	2	2
2	Dịch tễ học cơ sở: mô tả các khái niệm, mục tiêu, vai trò và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong việc phát triển và mô tả các vấn đề sức khỏe cộng đồng; giúp học viên lựa chọn được các thiết kế nghiên cứu thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng; các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp đồng thời phân tích tính giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học.	105.01.18	4	0
3	Kinh tế y tế: Môn học có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết nền tảng về kinh tế học và kinh tế y tế. Với các kiến thức và kỹ năng thu được từ môn học, học viên có khả năng giải thích được các khái niệm cơ bản của kinh tế học, phân tích được vai trò của các yếu tố kinh tế và nghiên cứu kinh tế và tài	107.03.71	3	2

	chính y tế trong quá trình hoạch định chính sách y tế, giải thích được kinh tế y tế có thể kết hợp với các lĩnh vực khác như thống kê y tế, dịch tễ học, khoa học xã hội, quản lý y tế, chính sách y tế...trong việc giải quyết các vấn đề y tế cộng đồng.			
Các môn hỗ trợ				
1	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe - Giáo dục sức khỏe: Cung cấp khái niệm cơ bản về giáo dục và nâng cao sức khỏe; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe; các cách tiếp cận để nâng cao sức khỏe và mô hình thay đổi hành vi; các phương pháp và kỹ năng truyền thông, giáo dục; thiết kế chương trình/dự án nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	107.04.27	3	2
2	Quản lý y tế - chính sách y tế: cung cấp các kiến thức về hệ thống tổ chức y tế, các chức năng và nội dung quản lý, phân tích các bước của chu trình lập kế hoạch, xây dựng kế hoạch cho chương trình/dự án, xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát chương trình, dự án. Cung cấp một số nội dung cơ bản và khung khái niệm trong phân tích chính sách y tế. Phân tích vai trò của thông tin, Nhà nước, các nhóm lợi ích, các tổ chức quốc tế trong xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách y tế. Đồng thời thảo luận về một số vấn đề về chính sách y tế của Việt Nam.	107.01.36	3	2
Các môn chuyên ngành				
1	Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm: Môn học cung cấp nội dung về các vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật, các phương pháp phát hiện, các biện pháp can thiệp phòng chống các vấn đề dinh dưỡng trong cộng đồng.	107.09.36	3	1
2	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp: Giải thích các khái niệm cơ bản về sức khỏe môi trường và phương pháp đánh giá sức khỏe môi trường; xác định các vấn đề về môi trường hiện tại và tương lai ở Việt Nam, khu vực và trên thế giới; Mô tả bệnh tật liên quan đến môi trường – nghề nghiệp; Cung cấp các khái niệm cơ bản về an toàn nghề nghiệp, áp dụng nguyên tắc quản lý nguy cơ để bảo vệ người lao động khỏi những mối nguy hại tại nơi làm việc; phát triển những phương pháp kiểm soát nhằm hạn chế hoặc giảm nguy cơ đối với người lao động ở những ngành nghề khác nhau; phát triển những chương trình quản lý và nâng cao sức khỏe môi trường - nghề nghiệp.	107.05.17	3	1
3	Sức khỏe lứa tuổi – Sức khỏe sinh sản: Mô tả vấn đề sức khỏe sinh sản theo từng giai đoạn sức khỏe và lứa tuổi; phát hiện các yếu tố liên quan đến sức khỏe sinh sản theo lứa tuổi;	107.06.48	3	1
4	Dịch tễ học các bệnh thường gặp: cung cấp kiến thức về các nguyên lý của quá trình truyền nhiễm; cơ chế truyền nhiễm; phân loại các bệnh truyền nhiễm; nguyên lý phòng chống dịch; các biện pháp phòng chống những bệnh truyền nhiễm phổ biến; đặc điểm dịch tễ học của	107.07.34	3	1

	một số bệnh không lây phổ biến; các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không lây phổ biến; phương pháp giám sát một số bệnh không lây phổ biến; các chiến lược dự phòng một số bệnh không lây phổ biến.			
Các môn tự chọn: học viên chọn 2 trong 4 môn sau:				
1.	Vệ sinh bệnh viện và trường học: Môn học cung cấp các kiến thức về nguy cơ môi trường từ bệnh viện và trường học với các vấn đề sức khỏe cộng đồng; các phương pháp đánh giá nguy cơ ô nhiễm môi trường bệnh viện và trường học; xây dựng đề cương cho một nghiên cứu về môi trường bệnh viện và trường học.	107.11.48	2	2
2.	Tâm sinh lý lao động và Ergonomi: Mô tả được các đặc điểm tâm sinh lý của con người trong các hoạt động lao động; phân tích các tác động của hoạt động lao động đến một số bệnh lý thực thể và tâm thần có đặc thù nghề nghiệp; áp dụng được các cơ sở tâm sinh lý lao động và Éc-gô-nô-mi trong xác định nhu cầu năng lượng, chế độ lao động và nghỉ ngơi của người lao động; thực hiện được một số kỹ thuật thăm dò chức năng liên quan đến tâm sinh lý lao động và Éc-gô-nô-mi.	107.11.48	2	2
3.	Dịch tễ học nâng cao: Môn học cung cấp các kiến thức dịch tễ học nâng cao nhằm giúp học viên phát hiện được những sai số quan trọng trong các bài báo và các đề cương nghiên cứu khoa học; đo lường các sai số và ảnh hưởng của nó tới các kết quả nghiên cứu dịch tễ học; đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao tính giá trị của các kết quả nghiên cứu dịch tễ học; thiết kế được nghiên cứu bệnh chứng và thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng.	107.11.48	2	1
4.	Y học biển: Môn học cung cấp các kiến thức về ảnh hưởng của điều kiện môi trường lao động, môi trường vi xã hội tới sức khỏe đoàn thuyền viên; các phương pháp quản lý và dự phòng nâng cao sức khỏe nghề nghiệp cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác.	107.11.48	2	0
Luận văn tốt nghiệp (Thực địa): Mỗi học viên thực hiện 1 nghiên cứu độc lập trong vòng 10 tháng. Các chủ đề nghiên cứu của luận văn phù hợp với lĩnh vực y tế công cộng.			0	20

TRƯỞNG KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Thức



GS.TS Phạm Văn Thức

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 1013/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành bản Chương trình đào tạo
và Đề cương chi tiết môn học trình độ thạc sĩ Y tế công cộng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết môn học trình độ thạc sĩ Y tế công cộng.

Căn cứ đề nghị của ông/bà trưởng phòng Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Bản chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết môn học trình độ thạc sĩ Y tế công cộng. Mã số : 872.07.01

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/bà trưởng phòng: Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng và khoa/bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH, VT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Văn Thúc



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10.13./QĐ-YDHP ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng năm 20....

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
I. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THẠC SỸ Y TẾ CÔNG CỘNG.....	3
II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC.....	4
2.1. Môn học cơ bản.....	4
TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN.....	4
NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH.....	7
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	10
PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC.....	12
TOÁN TIN ỨNG DỤNG.....	14
2.2. Môn học cơ sở.....	17
THỐNG KÊ Y HỌC VÀ DÂN SỐ HỌC.....	17
DỊCH TỄ HỌC CƠ SỞ.....	20
KINH TẾ Y TẾ.....	22
2.3. Môn hỗ trợ.....	24
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE VÀ GDSK.....	24
QUẢN LÝ Y TẾ - CHÍNH SÁCH Y TẾ.....	26
2.4. Môn chuyên ngành.....	29
DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM.....	29
SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP.....	31
SỨC KHỎE LỬA TUỔI - SỨC KHỎE SINH SẢN.....	34
DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH PHỔ BIẾN.....	37
2.5. Môn tự chọn.....	39
VỆ SINH BỆNH VIỆN VÀ TRƯỜNG HỌC.....	39
TÂM SINH LÝ LAO ĐỘNG VÀ ẾC-GÔ-NÔ-MI.....	42
DỊCH TỄ HỌC NÂNG CAO.....	45
Y HỌC BIỂN.....	47

I. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

STT	TÊN MÔN HỌC	Mã số	Thời lượng (ĐVHT)	SỐ TIẾT HỌC
	A. MÔN HỌC CƠ BẢN			
1	Triết học Mác – Lê Nin	100.01	6	90
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	104.01	6	135
3	Phương pháp NCKH	102.01	4	90
4	Phương pháp dạy học	103.01	3	60
5	Toán tin ứng dụng	101.01	3	60
	TỔNG		22	435
	B. MÔN CƠ SỞ			
6	Thống kê y học và dân số học	106	4	90
7	Dịch tễ học cơ sở	105.01.18	4	60
8	Kinh tế y tế	107.03.71	5	105
	TỔNG		13	155
	C. CÁC MÔN HỖ TRỢ			
9	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK	107.04.27	5	105
10	Quản lý y tế - Chính sách Y tế	107.01.36	5	105
	TỔNG		10	210
	D. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH			
11	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	107.09.36	4	75
12	Sức khỏe môi trường và SKNN	107.05.17	4	75
13	Sức khỏe lứa tuổi - Sức khỏe sinh sản	107.06.48	4	75
14	Dịch tễ học các bệnh thường gặp	107.07.34	4	75
	TỔNG		16	300
	E. CÁC MÔN TỰ CHỌN			
15	Vệ sinh bệnh viện và trường học	107.11.48	4	90
16	Tâm sinh lí lao động và Ergonomi	107.11.48	4	90
17	Dịch tễ học nâng cao	107.11.48	4	90
18	Y học biển	107.11.48	4	90
	TỔNG		4	90
19	LUẬN VĂN		20	
	TỔNG		85	

TỔNG SỐ CHUNG: 85 ĐVHT

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

2.1. Môn học cơ bản

Môn học cơ bản 1

TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

1. Thời gian đào tạo:

- Số ĐVHT: 06 Lý thuyết: 06 Thực hành: 0
- Số tiết học: 90 Lý thuyết: 90 Thực hành: 0

2. Mục tiêu môn học

Về kiến thức:

- 1) Học viên hiểu được các chuyên đề chuyên sâu về triết học, có kiến thức về nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng.
- 2) Nắm được những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng.
- 3) Hiểu được các nội dung nâng cao về Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.
- 4) Hiểu sâu hơn mối quan hệ tương hỗ giữa triết học với các ngành khoa học khác, nhất là đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.
- 5) Hiểu được vai trò của triết học và các khoa học đối với đời sống xã hội. Cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Về kỹ năng:

- 1) Vận dụng được cơ sở lý luận trong Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam trong các hoạt động của thực tiễn.
- 2) Học viên có khả năng vận dụng kiến thức Triết học để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.

Về thái độ:

- 1) Có thái độ đúng đắn khi xem xét và áp dụng những chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Nội dung giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH/LS
1	Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	2	
2	Khái lược lịch sử triết học phương Đông	10	
3	Khái lược lịch sử triết học phương Tây	10	
4	Khái lược lịch sử triết học Mác - Lênin	12	
5	Chủ nghĩa duy vật biện chứng- cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học	8	

6	Phép biện chứng duy vật- phương pháp luận nhận thức khoa học và thực tiễn	10	
7	Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn của triết học Mác-Lênin	6	
8	Lý luận Hình thái kinh tế - xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	12	
9	Giai cấp, dân tộc, nhân loại trong thời đại hiện nay và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	6	
10	Lý luận về nhà nước và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	7	
11	Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay	7	

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Clicker;
 - o TBL...

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá: Lý thuyết: Thi viết
- Số lần thi: 01
- Thời gian thi: 120 phút

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007): Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Minh Hợp (2010): Lịch sử Triết học đại cương - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- [2] Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc từ Đại hội VI đến Đại hội XI của Đảng (web: dangcongsan.vn)
- [3] Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:
<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>
<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>
<http://www.tapchikinhte.com.vn>

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn LLCT

8. Cán bộ giảng dạy:

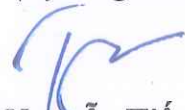
- 1) Th.s GVC Hoàng Thị Minh Hương
- 2) Th.s GVC Trịnh Thị Thủy
- 3) Th.s GVC Nguyễn Tiến Trường

9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.
- Phòng thực hành/thí nghiệm

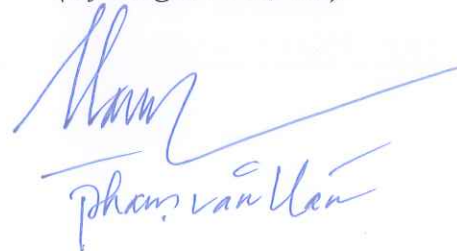
10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Trường

PHỤ TRÁCH CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)



NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. Thời gian đào tạo:

- Số ĐVHT: 6 Lý thuyết: 3 Thực hành: 3
- Số tiết học: 135 Lý thuyết: 45 Thực hành: 90

2. Mục tiêu môn học

- 1) Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- 2) Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- 3) Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- 4) Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

3. Nội dung giảng dạy

Giai đoạn 1 (04 đơn vị học trình – 2 Lý thuyết, 2 thực hành)

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Unit 1. Present tenses	2	4
2	Unit 2. Past tenses	2	4
3	Unit 3. Present perfect simple, present perfect continuous	2	4
4	Unit 4. Past perfect simple, past perfect continuous	2	4
5	Unit 5. Future time	2	4
6	Unit 6. Preposition of time and place	2	4
7	Unit 7. The passive 1	2	4
8	Unit 8. The passive 2	2	4
9	Unit 9. Relative clauses	2	4
10	Unit 10. So; such; too; enough	2	4
11	Unit 11. Comparatives; superlatives	2	4
12	Unit 12. Conditionals 1	2	4
13	Unit 13. Conditionals 2	2	4
14	Unit 14. Reported speech	2	4
15	Unit 15. Reported questions, orders, requests	2	4
		30	60

Giai đoạn 2 (02 đơn vị học trình – 1 Lý thuyết, 1 thực hành)

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Unit 1. Shapes and Properties	2	4
2	Unit 2. Location	2	4
3	Unit 3. Structure	2	4
4	Unit 4. Function	2	4
5	Unit 5. Actions in sequence	2	4
6	Unit 6. Cause and Effect	2	4
7	Unit 7. Proportion	2	4
8	Revision	1	2
		15	30

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Phát vấn
- Thực hành:
 - o Thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết
 - o Thảo luận
 - o Đóng vai
 - o Làm việc nhóm

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Thi nói
- Số lần thi: 02
- Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

- [1] Malcolm Mann, Steve Taylore (2008). Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.
- [2] Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Vương Thị Thu Minh và Phạm Gia Khải (2010). *Tiếng Anh chuyên ngành : Dành cho sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội

[2] Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Cử nhân điều dưỡng: English book for nursing students. - Hải Phòng, 2015.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

8. Cán bộ giảng dạy:

Ths. Trần Thị Hòa

9. Cơ sở vật chất


- Máy chiếu

- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Thảo

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm;
 - o Bài tập
- Thực hành:
 - o Hướng dẫn kỹ năng
 - o Viết báo cáo/đề cương

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: thi tự luận
 - o Thực hành: bài tập tình huống
- Số lần thi: 2
 - o 01 lý thuyết
 - o 01 thực hành

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập:

[1] Tài liệu phát tay - Khoa y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nghiên cứu khoa học. Nguyễn Khắc Minh. – Nhà xuất bản Y học, 2016.

[2] Nghiên cứu khoa học y học : Tập 1: Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. Lưu Ngọc Hoạt. Nhà xuất bản Y học, 2015.

[3] Phương pháp nghiên cứu khoa học y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu. Hoàng Văn Minh. - H. : Y học, 2014.

[4] Statistical methods in the biological and health science / J.Susan milton. - 2nd. - New York : McGraw, 1992.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS.TS Phạm Văn Hán (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)
- 2) PGS.TS Phạm Minh Khuê (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)
- 3) PGS.TS Dương Thị Hương (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

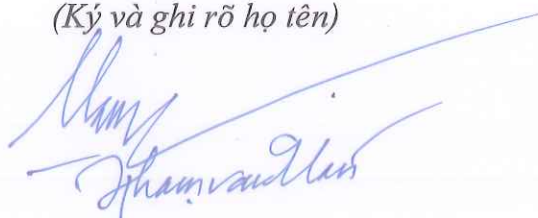
9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,

10. Ngày phê duyệt:

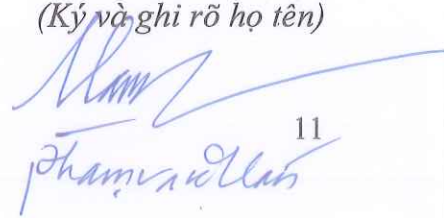
Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Môn học cơ bản 4

PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

1. Thời gian đào tạo:

• Số ĐVHT: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

• Số tiết học: 60

Lý thuyết: 30

Thực hành: 30

2. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- 1) Trình bày được lịch sử phát triển của giáo dục đại học.
- 2) Mô tả cấu trúc chương trình, tổ chức đào tạo.
- 3) Phân tích mô hình quản lý chất lượng đào tạo.
- 4) Áp dụng được các phương pháp giảng dạy mới (dạy và học tích cực), phương pháp đánh giá mới vào trong công tác đào tạo.
- 5) Soạn được kế hoạch bài giảng, viết được các tài liệu cần thiết cho giảng dạy, học tập và kế hoạch đánh giá cho từng bài giảng.

3. Nội dung giảng dạy

Stt	Tên bài giảng	Số tiết	
		LT	TH
1	Tổng quan về dạy-học tích cực	2	0
2	Thiết kế quy trình dạy – học	2	2
3	Mục tiêu và cách viết mục tiêu học tập	2	2
4	Cách viết kế hoạch bài giảng	2	4
5	Tổng quan về các phương pháp dạy-học dựa trên năng lực	2	0
6	Phương pháp động não	2	2
7	Dạy-học bằng thuyết trình và thuyết trình có minh họa	2	2
8	Dạy-học bằng phương pháp thảo luận nhóm	2	2
9	Dạy-học bằng bảng kiểm	2	2
10	Dạy học bằng case study	2	2
11	Dạy-học lâm sàng: dạy học bên giường bệnh và mô hình dạy học Microskills.	2	4
12	Dạy học bằng Microteaching	2	2
13	Kỹ năng phản hồi	2	2
14	Các công cụ hỗ trợ trong dạy – học	2	2
15	Tổng quan về lượng giá dựa trên năng lực (lượng giá kiến thức, kỹ năng, thái độ)	2	2
	Tổng	30	30

4. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Đóng vai
- Thảo luận nhóm
- Seminar
- Nêu vấn đề

5. Phương pháp lượng giá

- Test đánh giá, bảng kiểm, viết kế hoạch bài giảng, viết một bài hoàn chỉnh cho giáo trình.
- Số chứng chỉ: 01 (một lần thi)

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập:

[1] Tài liệu phát tay – Đơn vị Giáo dục Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

[2] PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng: Tài liệu tập huấn phương pháp dạy - học y học

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Văn Thức, Nguyễn Ngọc Sáng (chủ biên) (2012). Phương pháp dạy-học lâm sàng. Nhà xuất bản y học Hà Nội.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Đơn vị Giáo dục Y học, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

1) PGS. TS. Nguyễn Thị Dung (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

2) PGS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

3) PGS. TS. Nguyễn Văn Mùi (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu,

- Giảng đường, phấn, bảng,

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

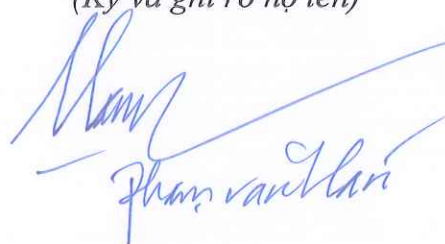
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TOÁN TIN ỨNG DỤNG

1. Thời gian đào tạo:

• Số ĐVHT: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

• Số tiết học: 60

Lý thuyết: 30

Thực hành: 30

2. Mục tiêu môn học

- 1) Trình bày được một số khái niệm và phương pháp thống kê cơ bản.
- 2) Áp dụng được một số phương pháp thống kê cơ bản trong phân tích và phiên giải dữ liệu nghiên cứu y học.
- 3) Sử dụng được phần mềm thống kê để hỗ trợ việc xử lý dữ liệu nghiên cứu.

3. Nội dung giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Bài 1. Dữ liệu và cách tạo tệp dữ liệu trên SPSS 1. Tổng thể và mẫu 2. Các loại dữ liệu và thang đo 3. Giới thiệu phần mềm SPSS 4. Tạo và lưu dữ liệu trên SPSS	4	4
2	Bài 2. Các thao tác cơ bản trên dữ liệu 1. Nối các tệp dữ liệu 2. Sắp xếp và lọc dữ liệu 3. Tạo biến mới bằng lệnh Compute 4. Tạo biến mới bằng lệnh Recode 5. Tạo biến mới bằng lệnh Count	4	4
3	Bài 3. Thống kê mô tả 1. Mô tả dữ liệu định tính 2. Mô tả dữ liệu định lượng	3	3
4	Bài 4. Ước lượng tham số 1. Khái niệm về ước lượng điểm và ước lượng khoảng 2. Ước lượng trung bình 3. Ước lượng tỷ lệ 4. Ước lượng OR	3	3
5	Bài 5. So sánh trung bình 1. Khái niệm về kiểm định giả thuyết thống kê 2. So sánh trung bình tổng thể với một số 3. So sánh các trung bình	4	4
6	Bài 6. So sánh tỷ lệ và kiểm định tính độc lập 1. So sánh tỷ lệ với một số 2. So sánh các tỷ lệ 3. Kiểm định tính độc lập của hai biến định tính	3	3
7	Bài 7. Kiểm định phân phối chuẩn và kiểm định hạng	4	4

	1. Kiểm định phân phối chuẩn 2. Kiểm định Mann – Whitney 3. Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon 4. Kiểm định Kruskal - Wallis		
8	Bài 8. Tương quan và hồi quy tuyến tính 1. Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến 2. Tương quan và hồi quy tuyến tính đa biến	3	3
9	Bài 9. Tương quan hạng 1. Tương quan Spearman 2. Tương quan Kendall	2	2

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
- Thực hành:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
 - o Làm mẫu, kèm cặp

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi vấn đáp
 - o Thực hành: Bài tập lớn
- Cách tính điểm môn học:

$$\text{Điểm TKMH} = (\text{LT} \cdot 2 + \text{TH}) / 3$$

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Tiến Thắng - Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng (2016).
Bài giảng Toán Tin ứng dụng.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Hùng Thắng (2009). *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 [2] Lê Cự Linh (2009). *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, Hà Nội.
 [3] Phạm Việt Cường (2009). *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, Hà Nội.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Toán học

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- 2) ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung

9. Cơ sở vật chất

- Giảng đường, máy chiếu.
- Phòng máy tính để dạy – học thực hành.

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Tiến Thắng

PHỤ TRÁCH CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)



2.2. Môn học cơ sở

Môn cơ sở 1

THỐNG KÊ Y HỌC VÀ DÂN SỐ HỌC

1. Thời gian đào tạo:

• Số ĐVHT: 4

Lý thuyết: 2

Thực hành: 2

• Số tiết học: 90

Lý thuyết: 30

Thực hành: 60

2. Mục tiêu môn học

- 1) Giải quyết được các bài toán thống kê cơ bản và một số bài toán thống kê nâng cao.
- 2) Vận dụng được các phương pháp cơ bản và một số phương pháp nâng cao của Toán thống kê trong việc chọn mẫu, xác định cỡ mẫu và trong phân tích dữ liệu nghiên cứu y học.

3. Nội dung giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Bài 1. Mẫu và các đặc trưng mẫu 1. Tổng thể và mẫu 2. Các tham số đặc trưng của tổng thể 3. Các phương pháp chọn mẫu 4. Các đặc trưng mẫu	3	8
2	Bài 2. Ước lượng các tham số của tổng thể 1. Ước lượng điểm - Khái niệm ước lượng điểm - Ước lượng không chệch - Ước lượng hiệu quả - Ước lượng vững - Ước lượng hợp lý cực đại - Ước lượng đủ 2. Ước lượng khoảng - Định nghĩa khoảng tin cậy - Ước lượng trung bình - Ước lượng tỷ lệ - Ước lượng hiệu hai trung bình - Ước lượng phương sai - Ước lượng OR và RR - Ước lượng hệ số tương quan tuyến tính	4	8
3	Bài 3. Kiểm định giả thuyết thống kê 1. Khái niệm và nguyên lý chung 2. Các bài toán kiểm định tham số hai phía, một phía - Kiểm định giả thuyết về trung bình một tổng thể - Kiểm định giả thuyết về tỷ lệ một tổng thể	4	8

	- So hai trung bình tổng thể - Phân tích phương sai		
	3. Kiểm định phi tham số - Phương pháp Khi bình phương, phương pháp chính xác của Fisher để so sánh các tỷ lệ và kiểm định sự độc lập của hai biến định tính - Kiểm định phân phối chuẩn: tiêu chuẩn phù hợp Khi bình phương, tiêu chuẩn Kolmogorov, tiêu chuẩn Lilliefors, tiêu chuẩn Jarque – Bera - Kiểm định phân phối rời rạc	4	10
	- Kiểm định Mann – Whitney - Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon - Kiểm định Kruskal – Wallis - Kiểm định đoạn mạch - Kiểm định Wald – Wolfowitz	4	8
4	Bài 4. Tương quan và hồi quy tuyến tính 1. Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến 2. Tương quan và hồi quy tuyến tính đa biến	2	6
5	Bài 5. Tương quan giữa các biến định tính 1. Tương quan giữa các biến định tính 2. Tương quan hạng	3	6
6	Bài 6. Ước tính cỡ mẫu 1. Cỡ mẫu trong ước lượng trung bình 2. Cỡ mẫu trong ước lượng tỷ lệ 3. Cỡ mẫu trong so sánh hai trung bình 4. Cỡ mẫu trong so sánh hai tỷ lệ	2	6
7	Bài 7. Một số ứng dụng của thống kê trong dân số học 1. Các số đặc trưng trong dữ liệu dân số 2. Phương pháp phân tích dãy số theo thời gian	4	0

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
- Thực hành:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
 - o Làm mẫu, kèm cặp

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi vấn đáp
 - o Thực hành: Bài tập lớn

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{Điểm TKMH} = (\text{LT} \cdot 2 + \text{TH}) / 3$$

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Tiến Thắng - Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng (2016).
Bài giảng Thống kê y học.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đặng Hùng Thắng (2009). Thống kê và ứng dụng, NXB Giáo dục, Hà Nội.
[2] Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh (2002). Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Giáo dục, Hà Nội.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Toán học

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- 2) ThS. Đào Thu Hằng

9. Cơ sở vật chất

Giảng đường, máy chiếu.

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Tiến Thắng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



[2] Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2009

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Dịch tễ học- Khoa Y tế công cộng

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS.TS. Phạm Văn Hán
- 2) PGS.TS. Dương Thị Hương
- 3) PGS.TS. Phạm Minh Khuê

9. Cơ sở vật chất .

- Máy chiếu
- Bảng/phấn

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Hán

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Hán

- Hướng dẫn tính toán các bài tập kinh tế
- Làm việc nhóm giải quyết các tình huống giả định

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi viết
 - Thực hành:
- Số lần thi: 01

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2015). *Tài liệu phát tay “Kinh tế y tế”*

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế, (2007). *Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế*. Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế, *Kinh tế y tế* (2008): Sách đào tạo Cử nhân Y tế công cộng, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[3] Bài giảng *Kinh tế y tế* (2002), Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[4] Vũ Xuân Phú (2012), *Khái niệm cơ bản về kinh tế y tế và tài chính y tế: Tài liệu đào tạo liên tục cho cán bộ quản lý ngành y tế tuyến tỉnh và tuyến trung ương*. Nhà xuất bản Lao động xã hội.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS. TS. Dương Thị Hương – Trưởng khoa YTCC
- 2) ThS. Trần Thị Bích Hồi – Trưởng bộ môn Y học xã hội

9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường: bàn ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Phạm Văn Hán

- Thuyết trình;
- Clicker;
- Hướng dẫn thảo luận tình huống
- Thực hành:
 - Làm việc nhóm giải quyết các tình huống giả định

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi viết
 - Thực hành:
- Số lần thi: 01

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2015). *Tài liệu phát tay “ Giáo dục sức khỏe”*

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe : Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC. Nhà xuất bản Y học, 2006 (chỉ đạo biên soạn Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo).

[2] Bộ Y tế (2007). *Giáo dục và nâng cao sức khỏe*. Nhà xuất bản Y học.

[3] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe : Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC / Nguyễn Văn Hiến. - H. : Y học, 2006.

[4] Klaus Krickeberg và CS (2014). *Giáo dục sức khỏe*. Nhà xuất bản Y học.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) BSKII. Nguyễn Bá Dụng – Phó Trưởng khoa YTCC
- 2) ThS. Trần Thị Bích Hồi – Trưởng bộ môn Y học xã hội

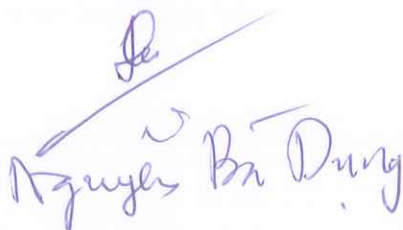
9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường: bàn ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

10. Ngày phê duyệt:

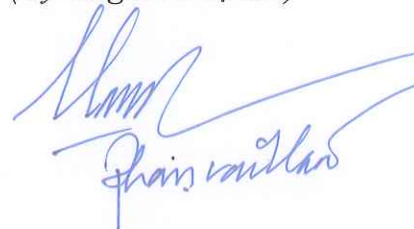
Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Bá Dụng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phan Văn Khoa

15	Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, luật khám chữa bệnh, luật BHYT	03	04
	Tổng thời gian	45	60

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - Thuyết trình;
 - Thảo luận nhóm
 - Phát vấn
 - Bài tập
- Thực hành:
 - Hướng dẫn thảo luận bài tập, tình huống
 - Bài tập nhóm
 - Bài tập cá nhân

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi viết trong 120 phút (trọng số 0,7)
 - Thực hành: báo cáo chuyên đề (trọng số 0,3)

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2014). Quản lý y tế - Chính sách y tế. Tài liệu dành cho Thạc sỹ Y tế công cộng.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách y tế. Sách đào tạo cử nhân Y tế công cộng. NXB Y học.

<https://thuvienhoc.edu.vn/2011/10/16/to-chuc-quan-ly-va-chinh-sach-y-te-dung-dao-tao-cu-nhan-y-te-cong-cong-bo-y-te/>

[2] Bộ Y tế (2011), Tổ chức và quản lý y tế. Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, NXB Y học

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Y học Xã hội – khoa Y tế công cộng

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS.TS. Phạm Văn Hán – Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- 2) BSKKII. Nguyễn Bá Dũng– Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

9. Cơ sở vật chất

- Phòng học đảm bảo diện tích, ánh sáng, thông khí

- Máy tính, projector, micro

- Phấn, bảng

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Bá Dũng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Luận

- Thuyết trình;
- Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - Tình huống lâm sàng
 - Tình huống cộng đồng

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi tự luận
- Số lần thi: 01

6. Tài liệu dạy-học

6.1. - Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP, trường đại học Y Hải Phòng (2016). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm – Tài liệu dành cho Thạc sỹ Y tế Công Cộng

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Văn Hán (2012). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học

[2] Viện dinh dưỡng (1998). Hướng dẫn hoạt động dinh dưỡng ở cộng đồng. Nhà xuất bản Y học

[3] Trường đại học Y Hà Nội - Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2000). Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng. Nhà xuất bản Y học.

[4] Đào Thị Yên Phi (2015). Dinh dưỡng học. Nhà xuất bản Y học.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Dinh dưỡng và An Toàn thực phẩm – Khoa Y tế Công Cộng

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS. TS. Phạm Văn Hán
- 2) PGS. TS. Trương Tuyết Mai

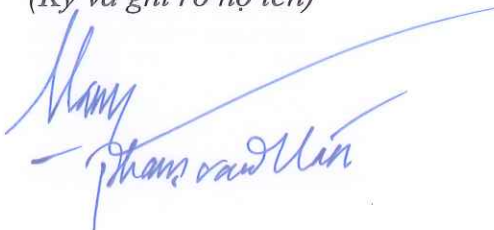
9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ
- Chuẩn tăng trưởng của WHO 2006, 2007

10. Ngày phê duyệt:

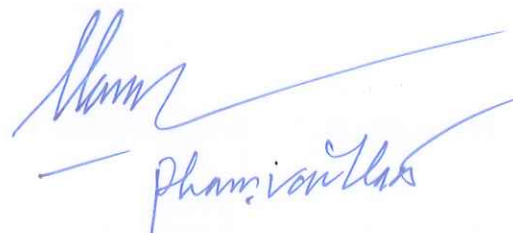
Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Môn chuyên ngành 2:

SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

1. Thời gian đào tạo:

- Số ĐVHT: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
- Số tiết học: 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

2. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- 1) Mô tả các yếu tố nguy cơ trong môi trường cộng đồng
- 2) Mô tả các ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe
- 3) Mô tả được các nguyên tắc lượng giá ô nhiễm và dự phòng ô nhiễm, ảnh hưởng sức khỏe
- 4) Áp dụng các môn học chuyên ngành xây dựng đề cương nghiên cứu cho một vấn đề quản lý sức khỏe môi trường.
- 5) Mô tả được chức năng, nhiệm vụ của khoa học sức khỏe nghề nghiệp, vận dụng được các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động để đánh giá môi trường lao động.
- 6) Trình bày được ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khỏe và an toàn của người lao động.
- 7) Xác định được các yếu tố nguy cơ tác hại nghề nghiệp trong quá trình lao động.
- 8) Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống tai nạn lao động nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Nội dung giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
	Phần I. Sức khỏe môi trường		
1	Bài 1. Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng	2	1
2	Bài 2. Ô nhiễm đất, nước và sức khỏe cộng đồng	2	1
3	Bài 3. Vệ sinh nhà ở và ảnh hưởng ô nhiễm nội thất đối với sức khỏe	2	1
4	Bài 4. Lượng giá và quản lý nguy cơ ô nhiễm môi trường	2	1
5	Bài 5. Ô nhiễm rác thải và một số giải pháp	2	1
6	Bài 6. Đánh giá nguy cơ ô nhiễm và ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng	6	5
7	Bài 7. Dịch tễ học môi trường - áp dụng thiết kế một nghiên cứu về mô tả nguy cơ ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe	6	5
	Phần II. Sức khỏe nghề nghiệp		

8	Bài 1. Tổng quan sức khỏe và an toàn nghề nghiệp	1	0
9	Bài 2. Hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp ở Việt Nam	2	0
10	Bài 3. Tác hại nghề nghiệp	4	3
11	Bài 4. Quản lý nguy cơ trong sức khỏe và nghề nghiệp	4	3
12	Bài 5. Bệnh nghề nghiệp	4	3
13	Bài 6. An toàn và chấn thương nghề nghiệp	4	3
14	Bài 7. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc	4	3
	Tổng	45	30

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm;
 - o Bài tập
- Thực hành:
 - o Tình huống lâm sàng/cộng đồng
 - o Quan sát/Kiến tập
 - o Viết báo cáo

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: thi tự luận
 - o Thực hành: trình bày báo cáo
- Số lần thi: 01

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập:

- [1] Bùi Thanh Tâm (2008). Sức khỏe nghề nghiệp, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Trường đại học y Hải Phòng (2012) Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản Y học,
- [3] Trường đại học y Hải Phòng. Tài liệu học tập môn sức khoẻ môi trường. 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Ảnh hưởng một số nguy cơ nghề nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến sức khỏe người lao động và giải pháp can thiệp / Nguyễn Thị Hồng Tú, Nhà xuất bản Y học , 2003.
- [2] Bệnh nghề nghiệp : Tập 2 / Lê Trung. - Nhà xuất bản Y học, 1990.
- [3] Bệnh nghề nghiệp : Tập 3 / Lê Trung. - Nhà xuất bản Y học, 2000.
- [4] Khoa học môi trường và sức khoẻ môi trường : Phần sức khoẻ nghề nghiệp: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - Nhà xuất bản Y học, 2007
- [5] Sức khỏe nghề nghiệp : Sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng. - Nhà xuất bản Y học, 2006.

- [6] Tâm sinh lí lao động và Ec-gô-nô-mi/ Bộ Y tế - Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường – Nhà xuất bản Y học, 2008
- [7] Vệ Sinh môi trường dịch tễ : Tập 1. - Nhà xuất bản Y học, 2009.
- [8] Trường đại học Y Hà nội (1997). Vệ sinh môi trường dịch tễ T2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 1997.
- [9] Trường Đại học Y Hà Nội. (1995). Vệ sinh môi trường tập 1. Nhà xuất bản Y học, 1995.
- [10] Handbook of public health methods: Kerr Charles. - USA. McGraw - Hill, 1998.
- [11] World health Organization (1993) The urban health crisis: Strategies for health for all in the face of rapid urbanization. – Geneva. 1993.
- [12] World Health Organization, 2002 Environmental health in emergencies and disasters:A practical guide / B. Wisner. - Geneva
- [13] World Health Organization, 1996. Guidelines for drinking - Water quality Vol 2: Health criteria and other supporting information;
- [14] P.Pedosseve, I.Grigouleitch (1983). La protection de l'environnement et la societe: Moscou: 1983.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp –Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS.TS Dương Thị Hương (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)
- 2) BSCKII Đồng Trung Kiên (Trung tâm Y tế dự phòng TP Hải Phòng)
- 3) PGS.TS Phạm Minh Khuê (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)
- 4) PGS.TS Nguyễn Thị Bích Liên (Trường Đại học Y Hà Nội)

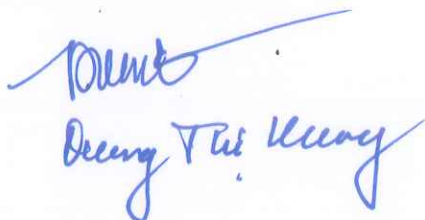
9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,

10. Ngày phê duyệt:

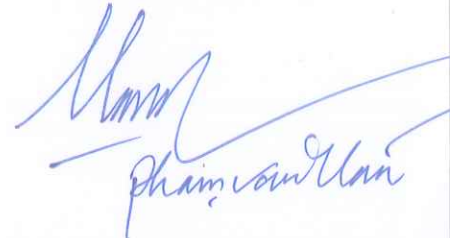
Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Hoàn

9	Bài 9. Nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường tình dục	5	5
	Tổng	45	30

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - o Dạy một kĩ năng

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Thảo luận nhóm
- Số lần thi: 01
 - o Điều kiện thi lý thuyết: bao gồm điểm báo cáo thực hành; điểm nội dung thi phần Sức khỏe sinh sản, học viên làm bài trình bày theo chủ đề Đánh giá nguy cơ và giáo dục sức khỏe sinh sản với phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh (Đạt/ Không đạt)
 - o Lý thuyết: 01 bài, nội dung thi phần Sức khỏe lứa tuổi/SKSS

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

- [1] Trường đại học y dược Hải Phòng. (2012) Tài liệu học tập môn sức khỏe lứa tuổi,
- [2] Trường đại học y dược Hải Phòng. (2012) Tài liệu học tập môn sức khỏe sinh sản

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch (1981) Dịch tễ học từng bệnh. NXB Y học, 1981. -
- [2] Đinh Thanh Huế. (2016) Dịch tễ học trong quản lý sức khỏe NXB : Y học, 2016. - 180Tr.
- [3] Bùi Thị Tú Quyên (2014) Dịch tễ thống kê nâng cao : Dành cho đối tượng học viên sau ĐH NXB : Y học, 2014. - 146tr.
- [4] Khoa YTCC, Tài liệu giảng dạy môn nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.
- [5] Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa : Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-BYT ngày 29/01/2015 / Nguyễn Viết Tiến. - H. : Y học, 2015. - 255tr. ; 27cm(2q)
- [6] HPV, ung thư cổ tử cung và chiến lược sàng lọc dự phòng thứ phát : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Linh. - H. : Y học, 2014. - 207tr. ; 27cm(3q)
- [7] Những lời khuyên về sức khoẻ giới tính và bệnh truyền nhiễm trong quan hệ tình dục / Trần Mạnh Cường. - H. : Nxb Văn hoá thông tin, 2003. - 236 tr. ; 21 cm.(5q)

- [8] Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục dành cho tuổi vị thành niên / Đào Xuân Dũng. - HCM. : NXB Tổng hợp, 2012. - 228tr. ; 19cm (2q)
- [9] Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: đáp án (sách dành cho học viên). - H.: Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.(10q)
- [10] Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Sách dành cho học viên. - H: Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.(10q)
- [11] Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Sách dành cho học viên. - H. : Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.(10q)
- [12] Marlene B. Goldman (2013) Women & health /. - 2nd ed. - NewYork : Elsevier, 2013. - 1581p.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe môi trường – Khoa Y tế công cộng

8. Cán bộ giảng dạy:

- 1) PGS. TS. Dương Thị Hương
- 2) PGS. TS Phạm Văn Hán
- 3) BSCCKII Nguyễn Bá Dụng
- 4) BSCCKII Đồng Trung Kiên
- 5) Ths Hoàng Thị Giang
- 6) Ths Nguyễn Thị Minh Ngọc

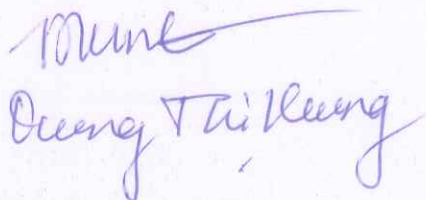
9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu, giảng đường
- Phòng thực hành/thí nghiệm

10. Ngày phê duyệt:

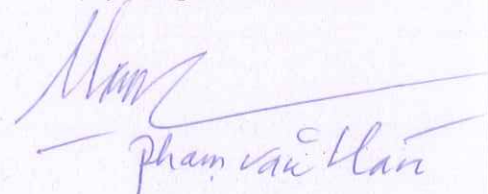
Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Hán

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Số lần thi: 01

6. Tài liệu dạy-học:

6.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu học tập dịch tễ học các bệnh phổ biến- Tài liệu phát tay của bộ môn (năm 2014)

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ học, NXB Y học, 2012.

[2] Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2009

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Dịch tễ học- Khoa Y tế công cộng

8. Cán bộ giảng dạy:

1) PGS.TS. Phạm Văn Hán

2) PGS.TS. Dương Thị Hương

3) PGS.TS. Phạm Minh Khuê

9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu

- Bảng/phần

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Hán

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Hán

	Phân vệ sinh bệnh viện	
1	Bài 1. Hướng dẫn khử khuẩn trong cơ sở y tế	4
2	Bài 2. Đánh giá nguy cơ và lây nhiễm khuẩn bệnh viện	4
3	Bài 3. Lập đề cương nghiên cứu phơi nhiễm nghề nghiệp và lây nhiễm bệnh trong nhân viên y tế	4
	Phân vệ sinh trường học	
4	Bài 4. Kiểm tra vệ sinh trường học	4
5	Bài 5. Phát hiện cong vẹo cột sống	4
6	Bài 6. Đánh giá nguy cơ bệnh tật học đường	5
7	Bài 7. Tổ chức quản lý khám sức khỏe định kì	5
Tổng		30

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - o Dạy một kĩ năng

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Bảng kiểm/báo cáo
- Số lần thi: 01
 - o Điều kiện thi lý thuyết: bao gồm điểm báo cáo thực hành; điểm nội dung thi phần Vệ sinh trường học, học viên làm bài trình bày bài Đánh giá nguy cơ sức khỏe trường học (Đạt/ Không đạt)
 - o Lý thuyết: 01 bài, nội dung thi phần Vệ sinh bệnh viện/VSTH

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn Vệ sinh trường học
- [2] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn Vệ sinh bệnh viện

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Trần Hiền (2006) Dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS cho nhân viên y tế : Sách dành cho giảng viên - Với sự tài trợ của dự án Life - GAP/CDC NXB- Y học, 2006.
- [2] Nhiễm trùng bệnh viện. NXB Y học, 2010.

- [3] Bộ y tế (2001) Quy chế bệnh viện: Ban hành kèm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, số 1895/1997/BYT-QĐ, ngày 19/09/1997 / Bộ Y tế. NXB: Y học, 2001.
- [4] Bộ y tế (1986) Thực hành bệnh viện / Bộ y tế. - 3. - NXB Y học, 1986.
- [5] Bộ y tế (2001) Quản lý bệnh viện Trường cán bộ quản lý y tế / Bộ Y tế. - NXB Y học, 2001.
- [6] Khoa YTCC. Tài liệu học tập phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng: Dành cho đào tạo bác sỹ YHDP
- [7] Trần Thanh Dương (2010). Hướng dẫn phòng chống một số bệnh, tật phổ biến ở tuổi học đường. : Cục y tế dự phòng, 2010. - 152Tr. ;
- [8] Trần Văn Dân (2012) Sức khỏe trường học : Giáo trình cho cử nhân YTCC định hướng SKMT-NN NXB. : Lao động xã hội, 2012.
- [9] Sổ tay thực hành Y tế trường học. - H. : Y học, 2001.
- [10] World health organization (1997) Oral health surveys : Basic methods / - 4th ed. - Geneva : WHO, 1997.
- [11] Brown & Benchmark (1993) Organization of school health programs / Kerry Redican. - 2nd edition. - England:, 1993.

7. **Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Sức khỏe môi trường – Khoa Y tế công cộng

8. **Cán bộ giảng dạy**

- 1) PGS.TS. Dương Thị Hương
- 2) PGS. TS. Lê Thị Song Hương
- 3) BSCKII Đồng Trung Kiên
- 4) PGS.TS. Nguyễn Bích Diệp

9. **Cơ sở vật chất**

- Máy chiếu,
- Phòng thực hành, giảng đường

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Phạm Văn Hán

		TH
1	Kĩ thuật đo thời gian phản xạ đơn	4
2	Kĩ thuật thăm dò chức năng tuần hoàn trong lao động.	8
3	Một số kĩ thuật thăm dò chức năng sinh lí bài tiết trong lao động.	8
4	Kĩ thuật thăm dò chức năng hô hấp.	8
5	Một số kĩ thuật thăm dò chức năng vận động.	8
6	Kĩ thuật bấm thời gian lao động	4
7	Kĩ thuật điều tra rối loạn cơ xương khớp.	8
8	Kĩ thuật thăm dò trí nhớ và chú ý trước và sau ca lao động.	8
9	Kĩ thuật xác định tiêu hao năng lượng trong một thời gian	4
	Tổng	60

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm
 - o Bài tập
- Thực hành:
 - o Quan sát
 - o Thao tác thực hành
 - o Viết báo cáo thực hành

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi tự luận
 - o Thực hành: học viên nộp báo cáo thực hành cho từng nội dung bài học, chấm và lấy điểm trung bình các bài là điểm thực hành cuối môn học
- Số lần thi: 01
 - o Lý thuyết: 01
- Cách tính điểm tổng kết môn học:

$$\text{Điểm TKMH} = (\text{LT} * 2 + \text{TH} * 1) / 3$$

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập:

[1] Tâm sinh lí lao động và Éc-gô-nô-mi. Tập II. Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường, Bộ Y tế. Nhà xuất bản Y học, 2002.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Ảnh hưởng một số nguy cơ nghề nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến sức khoẻ người lao động và giải pháp can thiệp / Nguyễn Thị Hồng Tú, Nhà xuất bản Y học, 2003.
- [2] Sức khỏe nghề nghiệp : Sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng. - Nhà xuất bản Y học, 2006.

[3] Sức khỏe nghề nghiệp : Giáo trình đào tạo Y tế công cộng và quản lý bệnh viện / Nguyễn Thúy Quỳnh. Nhà xuất bản Y học, 2016

[4] Các điểm kiểm tra Ec-gô-nô-mi. Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường Việt Nam. Nhà xuất bản giao thông vận tải, Hà Nội, 2000.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Cán bộ giảng dạy

- 1) PGS.TS Phạm Minh Khuê (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)
- 2) PGS.TS Dương Thị Hương (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)
- 3) BSCKII Đồng Trung Kiên (Trung tâm Y tế dự phòng TP Hải Phòng)
- 4) PGS.TS Nguyễn Thị Bích Liên (Trường Đại học Y Hà Nội)

9. Cơ sở vật chất

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,
- Máy đo huyết áp, đồng hồ bấm giây, máy đo chức năng hô hấp, bảng thử nghiệm trí nhớ, chú ý, bảng tiêu hao năng lượng

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


PGS.TS Phạm Minh Khuê

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


PGS.TS Phạm Văn Hán

[1] Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, Nhà xuất bản Y học, 2009.

[2] Trường đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, 2012.

7. **Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn Dịch tễ học - Khoa Y tế công cộng – Trường đại học Y Dược Hải Phòng

8. **Cán bộ giảng dạy:**

1) PGS.TS. Phạm Văn Hán

2) PGS.TS. Dương Thị Hương

3) PGS.TS. Phạm Minh Khuê

9. **Cơ sở vật chất**

- Máy chiếu Projector

- Bài tập tình huống, bài báo.

10. Ngày phê duyệt:

Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Phạm Văn Hán

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Phạm Văn Hán

Y HỌC BIỂN

1. Thời gian đào tạo:

- Số ĐVHT: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
- Số tiết học: 90 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60

2. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng:

- 1) Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện môi trường lao động, môi trường vi xã hội tới sức khỏe đoàn thuyền viên.
- 2) Khám, quản lý sức khỏe nghề nghiệp cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác.
- 3) Tư vấn dự phòng một số bệnh có tính chất đặc thù của nghề nghiệp biển cho các lao động, quân và dân trên biển đảo.

3. Nội dung giảng dạy

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH/LS
1	Đặc điểm môi trường lao động trên tàu biển và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe đoàn thuyền viên	2	4
2	Tác động của môi trường vi xã hội trên tàu biển và gánh nặng tâm sinh lý đến sức khỏe lao động biển.	2	4
3	Nội dung, tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển.	2	4
4	Phương pháp quản lý sức khỏe đầu vào và khám sức khỏe định kỳ cho thuyền viên	3	4
5	Các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm trên biển và phương pháp kiểm soát dịch bệnh trên tàu	2	4
6	Các bệnh lây truyền có qui định kiểm dịch quốc tế (<i>Bệnh tả, bệnh sốt vàng và bệnh dịch hạch</i>)	4	8
7	Phòng chống tai nạn thương tích trên biển	3	6
8	Chứng bệnh say sóng của người đi biển	3	6
9	Hội chứng đuối nước (Đuối nước sớm, đuối nước ngọt, đuối nước mặn, điều trị, dự phòng đuối nước)	3	6
10	Đặc điểm môi trường lao động dưới nước và các biện pháp làm việc trong môi trường nước	2	4
11	Các tai biến có thể xảy ra khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao	4	8
	Tổng	30	60

4. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp với phương pháp dạy học tích cực.

5. Phương pháp lượng giá

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Số lần thi: 01

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 1, Nhà xuất bản Y học.

[2] Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 2, Nhà xuất bản Y học.

[3] Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Quỳnh Chi (2010), Chứng bệnh say sóng của người đi biển, Nhà xuất bản Y học.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Văn Hiếu (1998), Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế, NXBYH, Hà Nội.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Y học biển

8. Cán bộ giảng dạy:

1) GS.TS Nguyễn Trường Sơn

2) PGS.TS Trần Thị Quỳnh Chi

3) ThS Nguyễn Văn Tâm

4) ThS.BSNT Nguyễn Bảo Nam

9. Cơ sở vật chất


- Máy chiếu,

- Phòng thực hành/thí nghiệm: Khoa khám bệnh và quản lý sức khỏe lao động biển; Trung tâm Y học dưới nước và cao áp lâm sàng Viện Y học biển

10. Ngày phê duyệt:

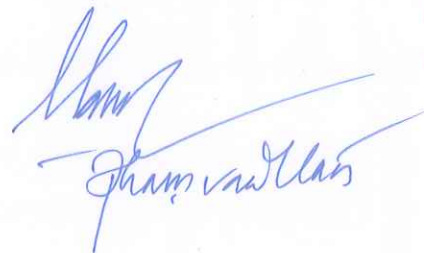
Phụ trách Môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tâm

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Văn Kiên